

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 296/2019/DS-PT

Ngày: 30-10-2019

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Ông Phạm Kim Cửa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 251/2019/TLPT-DS ngày 23 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2019/DS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 213/2019/QĐPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Châu Thị Kim T, sinh năm 1968, cư trú tại: Số nhà xxxB4, đường N, Phường x, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Anh Lâm Đạo T, sinh năm 1989, cư trú tại: Số nhà xxx/3A đường N, Khu phố x, Phường x, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Lê Văn Ly, Luật sư của Văn phòng luật sư Chiến Ly, thuộc đoàn luật sư tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Kim H;

Trụ sở tại: Số nhà xxx/3A đường N, Khu phố x, Phường x, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Kim H là: Anh Lâm Đạo T – chức vụ: Giám đốc.

2. Chị Huỳnh Châu Nguyệt M, sinh năm 1991, cư trú tại: Số nhà xxxB4, đường N, Phường x, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo: Anh Lâm Đạo T là bị đơn.*

(Tại phiên tòa bà T, anh T, ông Ly có mặt. Chị M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Châu Thị Kim T trình bày:

Tháng 4/2017, bà T có cho con rể là anh Lâm Đạo T mượn số tiền 2.600.000.000 đồng để làm vốn kinh doanh thuốc lá của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Kim H (sau đây gọi tắt là Công ty Kim H), do anh T là con rể nên khi cho mượn tiền hai bên không có viết giấy nợ và cũng không tính lãi. Anh T có hứa đến cuối năm 2017 sẽ hoàn trả lại số tiền đã mượn nhưng đến hạn bà yêu cầu anh T trả số nợ trên nhưng anh T hứa hẹn nhiều lần mà vẫn không trả.

Tháng 3/2018, bà có gửi đơn tố cáo đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre. Tại Cơ quan cảnh sát điều tra anh T thừa nhận còn nợ bà số tiền 2.600.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền này, xin trả dần mỗi tháng 150.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau đó chỉ thực hiện trả mỗi tháng 40.000.000 đồng, có khi chỉ trả 10.000.000 đồng, tính đến nay anh T có trả dần cho bà được 560.000.000 đồng, cụ thể: Chuyển khoản vào tài khoản của bà tại Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền 390.000.000 đồng; chuyển vào tài khoản của con gái bà số tiền 170.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu anh Lâm Đạo T và Công ty Kim H phải liên đới trả cho bà số tiền 2.040.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lâm Đạo T trình bày:

Anh có nợ của bà Châu Thị Kim T số tiền 2.600.000.000 đồng. Do bà T là mẹ vợ của anh nên số tiền này bà T cho vợ chồng anh vay không có tính lãi, anh có hứa sẽ trả số tiền này vào cuối năm 2017 nhưng anh làm ăn thua lỗ nên không có khả năng trả. Số tiền này anh sử dụng kinh doanh mua bán thuốc lá với bạn bè, cho người khác vay, vợ chồng tiêu xài trong thời gian anh với chị M còn là vợ chồng. Hiện nay, anh đã trả cho bà T số tiền 560.000.000 đồng. Đối với việc bà T yêu cầu anh trả 2.040.000.000 đồng thì anh yêu cầu chị M phải cùng chịu trách nhiệm trả khoản nợ này. Anh chỉ đồng ý chịu trả lãi đối với số tiền 1.020.000.000 đồng (tức là 50% số nợ)

theo mức lãi suất 1%/tháng, tính từ ngày bà T có đơn khởi kiện đến khi vụ án được giải quyết xong.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Châu Nguyệt M trình bày:

Chị và anh T kết hôn vào năm 2013 và đã ly hôn năm 2018. Tuy số tiền này anh T mượn trong thời gian chị và anh T còn là vợ chồng nhưng anh T sử dụng để kinh doanh thuốc lá của Công ty Kim H mà không sử dụng để chi tiêu trong gia đình nên khoản nợ này không liên quan đến chị.

Hơn nữa, trong đơn ly hôn mà anh T nộp tại Tòa án cũng như trong suốt quá trình giải quyết vụ án ly hôn giữa anh T và chị, anh T đều khẳng định giữa chị và anh T không có nợ chung. Vì vậy, mọi khoản nợ phát sinh đối với anh T đều là nợ riêng của anh. Chị không đồng ý chịu trách nhiệm đối với khoản nợ mà bà T đang khởi kiện anh T tại tòa cũng như tất cả các khoản nợ khác của anh T và Công ty Kim H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2019/DS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã quyết định như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc anh Lâm Đạo T và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Kim H do anh T là người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà Châu Thị Kim T số tiền là 2.346.000.000 đồng (hai tỉ ba trăm bốn mươi sáu triệu đồng), gồm vốn gốc là 2.040.000.000 đồng (hai tỉ không trăm bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ là 306.000.000 đồng (ba trăm lẻ sáu triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo bản án và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/7/2019 bị đơn anh Lâm Đạo T kháng cáo yêu cầu sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2019/DS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, theo hướng anh T và chị Huỳnh Châu Nguyệt M mỗi người phải có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ chung trong thời kỳ hôn nhân là 1.020.000.000 đồng cùng $\frac{1}{2}$ số tiền lãi chậm trả từ 4/2019 đến 7/2019 (từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm).

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Hai bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc anh T phải có trách nhiệm liên đới cùng với công ty Kim H trả cho bà T số tiền 2.040.000.000 đồng và tính lãi từ ngày 01/01/2018 là chưa đúng. Công ty Kim H không có vay tiền của bà T mà đây là số nợ do anh T cùng với chị Nguyệt M mượn của bà T, chị M là vợ của anh T nên cũng phải có trách nhiệm liên đới cùng với anh T trả cho bà T. Về lãi suất, đề nghị Hội đồng xét xử tính lãi suất từ ngày bà T khởi kiện ra tòa vì hợp đồng vay trong trường hợp này không có lãi suất.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về tố tụng: Người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308, 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của anh Lâm Đạo T, sửa bản án sơ thẩm: Không buộc anh T và công ty Kim H phải liên đới trả số nợ vay cho bà T, đồng thời lãi suất được tính lại từ ngày bà T khởi kiện ra tòa.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Các đương sự thống nhất trình bày trong năm 2017 bà T có cho anh T vay số tiền 2.600.000.000 đồng không tính lãi nhưng sau đó anh T đã trả được số tiền 560.000.000 đồng còn nợ lại 2.040.000.000 đồng nên nguyên đơn yêu cầu anh T phải trả số tiền nợ là có cơ sở. Tuy nhiên, anh T cho rằng khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa anh với chị M nên yêu cầu chị M phải có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số nợ. Căn cứ đơn khởi kiện ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ly hôn giữa anh T và chị M thì anh T trình bày vợ chồng anh không có nợ chung nên nay anh yêu cầu chị M phải có trách nhiệm trả nợ cùng anh đối với khoản nợ của bà T là không có căn cứ.

[2] Nguyên đơn yêu cầu anh T và Công ty Kim H phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ vì anh T vay tiền để làm vốn kinh doanh cho Công ty Kim H. Tuy nhiên, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Kim H được thành lập theo quy định pháp luật, có tư cách pháp nhân, việc anh T vay tiền của bà T là việc của cá nhân anh T, không phải với tư cách là người đại diện theo pháp luật của Công ty Kim H thực hiện các giao dịch dân sự cho công ty, bà T cũng thừa nhận cho anh T vay tiền mà không phải cho Công ty Kim H vay nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty Kim H phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng anh T là không phù hợp.

[3] Việc bà T cho anh T vay tiền không có thỏa thuận lãi suất. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre khi được làm việc thì bà T và anh T đã thỏa thuận để anh T trả dần mỗi tháng 150.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Đến ngày 12/4/2019, do anh T không thực hiện theo thỏa thuận ban đầu là mỗi tháng trả cho bà T 150.000.000 đồng nên mới phát sinh lãi suất chậm trả như vậy căn cứ để xác định thời điểm vi phạm nghĩa vụ là từ khi bà T khởi kiện đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án. Mặc dù hai bên thống nhất mức lãi suất 1%/tháng nhưng anh T chỉ đồng ý trả lãi suất với mức nêu trên nếu trả $\frac{1}{2}$ số tiền lãi. Căn cứ khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ của anh T được tính bằng 10%/năm (tương đương 0,83%/ tháng). Từ ngày 12/4/2019 đến thời điểm xét xử (02/7/2019) là 02 tháng 20 ngày với số tiền lãi là 45.152.000 đồng.

Từ những nhận định trên, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2019/DS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, anh Lâm Đạo T phải chịu 73.703.040 đồng.

Hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 36.400.000 đồng theo biên lai thu số 0002615 ngày 23/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, hoàn trả cho anh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005099 ngày 23/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Lâm Đạo T;

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2019/DS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng Điều 463, 466, 357 và 468 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần khởi kiện của nguyên đơn bà Châu Thị Kim T về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn anh Lâm Đạo T.

Buộc anh Lâm Đạo T có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 2.085.152.000 (hai tỷ không trăm tám mươi lăm triệu một trăm năm mươi hai nghìn) đồng cho bà Châu Thị Kim T (trong đó tiền gốc là 2.040.000.000 đồng, tiền lãi là 45.152.000 đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lâm Đạo T phải chịu 73.703.040 (bảy mươi ba triệu bảy trăm lẻ ba nghìn không trăm bốn mươi) đồng.

Hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 36.400.000 (ba mươi sáu triệu bốn trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0002615 ngày 23/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho anh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0005099 ngày 23/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Ngọc Hương